TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20/7/2018
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Tấn.

2. Ông Trần Hùng Bích.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà H Thị Chiền.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Phú Hữu.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 690/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Ngọc H, sinh năm 1986.

Cư trú: Số A, đường B, khóm C, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Đinh Văn T, sinh năm 1980.

Cư trú: Số A, đường B, khóm C, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa có mặt chị H và anh T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 01/11/2017 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Chị H và anh T tự nguyện tìm hiểu, sau đó tiến tới hôn nhân được UBND phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 193, ngày 27/5/2008. Chị H và anh T chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn vì anh T thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn về nhà đánh đập chị. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống , xung đột xảy ra hằng ngày, mặc dù hai vợ chồng đã nhiều lần tìm cách Hn gắn nhưng vẫn không khắc phục được, chị đã thuê nhà trọ để sống riêng từ năm 2016. Tình cảm vợ chồng không còn, không thể Hn gắn nên bà H yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 (một) con chung chưa thành niên tên Đinh Đại P, sinh ngày 04/3/2009. Chị H tôn trọng ý kiến của cháu Đinh Đại P có nguyện vọng được sống với anh T.

Về T sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Bị đơn anh Đinh Văn T trong quá trình tố tụng trình bày*:**

Về quan hệ hôn nhân và gai đình: Anh và chị H tự nguyện tìm hiểu sau đó tiến đến hôn nhân và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đến mức phải ly hôn, do mân thuẫn chị H đã thuê nhà trọ sống từ năm 2016 nhiều lần anh động viên về sống chung như chị H không đồng ý. Trong thời gian sống chung do ghen tuông nên anh đã 03 lần đã đánh chị H nhưng anh đã biết hối lỗi mong chị H tha thứ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có một con chung tên Đinh Đại P, anh tôn trọng ý kiến của con có nguyện vọng được sống với anh, anh không yêu cầu cấp dưỡng.

Về T sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tố tụng:

Chị Bùi Thị Ngọc H tranh chấp ly hôn với anh Đinh Văn T, tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Bùi Thị Ngọc H tranh chấp ly hôn với anh Đinh Văn T có một con chung tên Đinh Đại P, căn cứ Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đã tiến

Hnh biện pháp thu thập chứng cứ là đối chất và có Thông báo về việc tham khảo ý kiến của Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước để xác định nguyên nhân phát tranh chấp ly hôn nhưng Ủy ban không có văn bản phúc đáp, qua đối chất tại phiên tòa đã xác định nguyên nhân phát sinh tranh chấp dẫn đến bà H yêu cầu ly hôn.

Cháu Phát có mặt tại phiên tòa và trình bày nguyện vọng được sống với ông T phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về bội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân

Chị Bùi Thị Ngọc H và anh Đinh Văn T đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại UBND phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 193, ngày 27/5/2015. Do đó, hôn nhân của chị H và anh T là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T, căn cứ để chị yêu cầu là sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T nhiều lần đánh chị nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Đến năm 2016 chị thuê nhà trọ để sống riêng, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn. Tại phiên tòa anh T cũng thừa nhận vợ chồng đã không còn sống chung, chị H đã thuê nhà trọ sống riêng, khi còn sống chung do ghen tuông nên anh đã 03 lần đánh chị H.

Xét thấy, vợ chồng đã không còn sống chung, anh T và chị H đã không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình trong một thời gian dài; trong thời gian chung sống anh T đã có Hnh vi bạo lực trong gia đình; chị H cũng đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn vào năm 2017 nhưng sau đó rút đơn để tạo điều kiện cho anh T thay đổi nhưng vẫn không thay đổi; Tòa án đã tiến Hnh hòa giải nhiều lần tạo điều kiện chị H và anh T Hn gắn, nhưng chị H vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn, anh T không có giải pháp khắc phục. Anh T và chị H đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, đồng thời anh T đã có Hnh vi bạo lực gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung: Có 01 (một) con chung chưa thành niên tên Đinh Đại P, sinh ngày 04/3/2009. Hiện cháu Phát đang sinh sống với anh T, cháu có nguyện vọng được sống với anh T, anh T cũng yêu cầu được nuôi cháu T và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con, bà H thống nhất với nguyện vọng của cháu Đạt. Do đó, yêu cầu của anh T là có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[2.3] Về T sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[3] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, chị H phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 17; Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Ngọc H đối với anh Đinh Văn T.

Chị Bùi Thị Ngọc H được ly hôn với anh Đinh Văn T.

[2] Về quan hệ con chung: có 1 (một) con chung chưa thành niên tên Đinh Đại P, sinh ngày 4/3/2009. Anh T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc Đinh Đại P, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về quan hệ T sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lưu Bích H phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đ tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 003764 ngày 13/12/2017 của Chi cục thi Hnh án dân sự TP. Long Xuyên.

Chị H, anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án quyết định được thi Hnh theo quy định tại điều 2 Luật thi Hnh án Dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi Hnh án dân sự, thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi Hnh án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi Hnh án dân sự)

Nơi nhận:
- *Các đương sự "Để thi Hnh";*
- *VKSND – TPLX;*
- *TAND tỉnh An Giang;*
- *THADS TPLX;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu văn phòng./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Quốc Việt